



Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Hội đồng quản trị	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	7
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	10
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	13

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin, trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015013 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 25/UBCK-GPHDKD ngày 15 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, bao gồm một số lần thay đổi đáng chú ý như sau:

<u>Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
---	----------------------------

<u>điều chỉnh</u>	
Số 103/UBCK-GPĐCCTCK ngày 4 tháng 1 năm 2008	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và tăng vốn điều lệ

Số 90/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 6 năm 2012	Thay đổi người đại diện theo pháp luật và rút bỏ ngành nghề tự doanh chứng khoán
---	--

Số 117/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 10 năm 2012	Thay đổi tên Công ty
---	----------------------

Số 18/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2013	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
---	-------------------------------

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 10, số 434 Trần Khát Chân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Trong năm 2013, hoạt động chủ yếu của Công ty là môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 9 nhân viên.

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, và sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

3. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Hoàng Chương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2012)
Bà Lê Lệ Thủy	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2012)
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Ông Trần Việt Ký	Thành viên
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2012)

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Sỹ Long	Phó Tổng Giám đốc

4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

5. Xác nhận của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin xác nhận rằng, theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị



VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2014

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN THẮNG
Tổng Giám đốc



DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Hanoi
Level 25, M3M4 Building,
91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi
T. 844 6266 3006 F. 844 6266 3066

Office in Ho Chi Minh City
■ No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District, HCMC
T. 848 6296 8684 F. 848 6296 8679
■ No. 426 Cao Thang, District 10, HCMC
T. 848 3868 3306 F. 848 3868 3378

dfk@dfkvietnam.com
www.dfkvietnam.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 13-01-098

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 4 năm 2014, từ trang 7 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các sổ liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- a) Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc Công ty ký Hợp đồng hợp tác số 71/2009/HDHT-TCDL ngày 6 tháng 10 năm 2009 về việc cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (“Công ty tài chính”) với nội dung Công ty tài chính này cho nhà đầu tư vay để thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh, và trong trường hợp nhà đầu tư chưa thanh toán tiền vay khi đến hạn thì toàn bộ nghĩa vụ nợ chuyển sang cho Công ty. Theo các Biên bản làm việc ngày 6 tháng 5 năm 2013 và 15 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty tài chính và Công ty, số liệu dư nợ gốc của các nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty vay tại Công ty tài chính, tình hình thanh toán tiền vay và phương hướng xử lý công nợ được hai bên thống nhất như sau: Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 5 năm 2011 là 30,9 tỷ đồng. Đến ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty tài chính này đã thu được khoảng 6,2 tỷ đồng, trong đó, nhận được tiền bán các cổ phần còn lại tại tài khoản của các nhà đầu tư vay vốn tại Công ty là 5 tỷ đồng và bù trừ cổ tức năm 2011 và năm 2012 của khoản đầu tư của Công ty tại Công ty tài chính là 1,2 tỷ đồng. Số dư nợ gốc còn lại đến ngày 15 tháng 7 năm 2013 là khoảng 24,7 tỷ đồng.

Các Biên bản làm việc này cũng đề cập đến các phương án xử lý các khoản nợ còn lại nói trên. Cụ thể, Công ty tài chính sẽ: (1) cấu trúc lại khoản nợ để Công ty trả nợ trong vòng 5 năm (từ 2013 đến 2018) trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty; (2) miễn giảm lãi quá hạn, chỉ giữ lại khoảng 2,5 tỷ đồng lãi quá hạn tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2013; (3) được trả gốc định kỳ và trả lãi vào cuối kỳ theo dự kiến kế hoạch trả nợ kèm theo Biên bản; (4) áp dụng mức lãi suất ưu đãi cho khoản nợ trên trong suốt thời gian trả nợ; (5) sử dụng các dịch vụ tại Công ty và giới thiệu khách hàng cho Công ty với tổng doanh thu có giá trị không thấp hơn các nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, Công ty sẽ tiếp tục thanh toán thay các khoản nợ nói trên của các nhà đầu tư cho Công ty tài chính. Cũng theo các Biên bản làm việc này hai bên sẽ chủ động thực hiện các thủ tục nội bộ để trình các cấp có thẩm quyền thông qua các nội dung trên. Sau đó, trong tháng 12 năm 2013, Công ty đã thanh toán thay nhà đầu tư 500 triệu đồng cho Công ty tài chính.

Theo ý kiến của chúng tôi, các giao dịch thực hiện theo Hợp đồng hợp tác với Công ty tài chính này không nằm trong phạm vi hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính của Công ty cũng như trách nhiệm pháp lý của Công ty trong vấn đề giải quyết các khoản nợ của nhà đầu tư với Công ty tài chính.

- b) Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng đã đưa ý kiến ngoại trừ về việc Công ty ký Hợp đồng hợp tác số 01/2010/HASC-SEABANK HBT ngày 1 tháng 4 năm 2010 về việc cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng (“Ngân hàng”). Theo đó, Công ty sẽ chịu trách nhiệm về tính xác thực, đúng đắn và hợp lệ đối với các thông tin xác nhận bán chứng khoán đã khớp lệnh tại Công ty của nhà đầu tư vay vốn và sẽ chịu trách nhiệm bồi thường nếu có bất kỳ sai sót nào liên quan đến việc xác nhận người vay, sự cố kỹ thuật và những lỗi khác gây thiệt hại cho Ngân hàng. Theo Thông báo của Ngân hàng tại ngày 28 tháng 4 năm 2011, số dư khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoảng 121 tỷ đồng, và tiền lãi vay là khoảng 15 tỷ đồng. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 21 tháng 7 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng, Công ty tạm thời chuyển trả cho Ngân hàng số tiền là 20 tỷ đồng trên cơ sở phân chia số tiền thu được từ việc bán số chứng khoán cầm cố của các nhà đầu tư tại Công ty theo tỷ lệ các nguồn vốn mà các đơn vị cho nhà đầu tư vay tiền tại Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Trước đó, ngày 10 tháng 5 năm 2011, Ngân hàng đã có Công văn đề nghị Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội làm rõ vụ việc “Ông Trương Duy Sơn - nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty và nguyên là người đại diện theo pháp luật của Công ty về hành vi chiếm đoạt tài sản thông qua việc xác nhận không các giao dịch bán chứng khoán làm hồ sơ vay vốn ngân hàng”. Theo Thông báo tại Biên bản làm việc ngày 5 tháng 4 năm 2012 giữa Cơ quan An ninh Điều tra và Công ty, ngày 22 tháng 2 năm 2012, Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội đã hủy bỏ Quyết định khởi tố bị can đối với ông Trương Duy Sơn và đình chỉ điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty.

Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vụ việc này. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản chi phí có thể phát sinh, các nghĩa vụ nợ có thể phải thanh toán chưa được phản ánh trên báo cáo tài chính cũng như các ảnh hưởng khác (nếu có) đến báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

- c) Số dư các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng giá trị là khoảng 3,9 tỷ đồng đã được các ngân hàng xác nhận đầy đủ. Số dư tiền gửi này được phản ánh tương ứng với số dư các khoản phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán như được trình bày tại Thuyết minh 16. Đến thời điểm này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận của các nhà đầu tư cho số dư các công nợ phải trả này. Do không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế nào khác nên chúng tôi không thể đảm bảo được sự hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cũng không thể đánh giá được các ảnh hưởng tới các chỉ tiêu khác có liên quan trên báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.
- d) Đến thời điểm này, các báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang - Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phát (như được trình bày tại Thuyết minh 11), được sử dụng để làm căn cứ xác định cơ sở trích lập dự phòng giám giá các khoản đầu tư của Công ty, chưa được kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị các khoản đầu tư vào các công ty chưa niêm yết chiếm khoảng 28,6% trên vốn chủ sở hữu của Công ty (31.12.2012: 32,9%). Tỷ lệ này vượt quá quy định về tỷ lệ đầu tư cho phép (20% trên vốn chủ sở hữu). Đồng thời, giá trị khoản đầu tư vào một tổ chức của Công ty chiếm khoảng 35% (31.12.2012: 44%) trên vốn chủ sở hữu của Công ty nên cũng vượt quá quy định về tỷ lệ đầu tư cho phép (15% trên vốn chủ sở hữu) theo quy định của pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề nhẫn mạnh (tiếp theo)

- b) Ngày 7 tháng 1 năm 2014, Công ty đã có Thông báo về việc liên kết giữa tài khoản giao dịch tiền của nhà đầu tư tại Công ty với tài khoản cá nhân tại ngân hàng để nhà đầu tư của Công ty có thể thực hiện được các giao dịch tại ngân hàng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện việc này theo đúng yêu cầu của quy định hiện hành về việc quản lý tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng.
- c) Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng giá trị tài sản của Công ty là khoảng 68,7 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu là khoảng 62,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, các số liệu trong báo cáo tài chính kèm theo của Công ty không bao gồm việc ghi nhận các chi phí và nghĩa vụ nợ của Công ty (nếu có) liên quan đến Hợp đồng hợp tác số 01/2010/HASC-SEABANK HBT ngày 1 tháng 4 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Hợp đồng hợp tác số 71/2009/HĐHT-TCDL ngày 6 tháng 10 năm 2009 ký với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực như đã trình bày ở các đoạn trên. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo khái niệm hoạt động liên tục phụ thuộc vào việc xử lý các nghĩa vụ công nợ tiềm tàng này, khả năng hoạt động có lãi trong tương lai và sự hỗ trợ từ các cổ đông góp vốn. Báo cáo tài chính đính kèm không bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào có thể phát sinh do các sự kiện không chắc chắn này. Các ảnh hưởng liên quan sẽ được đề cập trong báo cáo tài chính khi có thể xác định và ước tính được.
- d) Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến ngoại trừ do một số hạn chế về phạm vi kiểm toán và lưu ý về khả năng hoạt động liên tục của Công ty như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2013.

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



PHẠM THẾ HƯNG

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 0495-2013-042-1

NGUYỄN TIỀN DŨNG
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Số: 0800-2013-042-1

HÀ NỘI

Ngày 29 tháng 4 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2013	31.12.2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		45.751.821.645	33.956.147.891
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	4.883.182.186	20.085.174.365
1. Tiền	111		4.633.182.186	7.085.174.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		250.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.738.908.224	11.706.889.675
1. Đầu tư ngắn hạn	121		29.522.330.728	33.064.240.548
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(21.783.422.504)	(21.357.350.873)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	29.193.414.184	1.721.763.916
1. Phải thu của khách hàng	131		770.000.000	1.140.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		4.700.000.000	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		47.808.784	9.411.737.123
5. Các khoản phải thu khác	138		24.341.645.000	11.479.132.637
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(666.039.600)	(20.309.105.844)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.936.317.051	442.319.935
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	242.394.000	132.003.360
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	11.654.451	128.576.975
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	3.682.268.600	181.739.600
B. Tài sản dài hạn	200		22.926.026.539	23.895.320.341
II. Tài sản cố định	220		1.989.420.026	3.563.789.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.182.813.124	2.224.071.845
- Nguyên giá	222		3.284.360.616	4.472.731.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.101.547.492)	(2.248.659.839)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	806.606.902	1.337.093.903
- Nguyên giá	228		3.395.602.900	3.317.363.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.588.995.998)	(1.980.269.997)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.623.596
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.887.000.000	17.828.973.102
4. Đầu tư dài hạn khác	258	11	17.887.000.000	17.887.000.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(58.026.898)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.049.606.513	2.502.557.895
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	470.033.714	10.387.916
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	2.551.945.199	2.294.354.599
4. Tài sản dài hạn khác	268		27.627.600	197.815.380
Tổng cộng tài sản	270		68.677.848.184	57.851.468.232

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2013	31.12.2012
A. Nợ phải trả	300	6.179.235.002	3.503.821.728	
I. Nợ ngắn hạn	310	6.179.235.002	3.503.821.728	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	200.000.000	
2. Phải trả người bán	312	372.877.610	46.164.625	
3. Người mua trả tiền trước	313	50.000.000	-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14 144.010.654	56.683.889	
5. Phải trả người lao động	315	502.720.869	338.266.572	
6. Chi phí phải trả	316	27.778.774	288.443.030	
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15 4.146.763.409	732.500.907	
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16 935.083.686	1.841.762.705	
B. Vốn chủ sở hữu	400	62.498.613.182	54.347.646.504	
I. Vốn chủ sở hữu	410	62.498.613.182	54.347.646.504	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17 150.000.000.000	150.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	31.750.000.000	31.750.000.000	
10. Lỗ lũy kế	420	(119.251.386.818)	(127.402.353.496)	
Tổng cộng nguồn vốn	440	68.677.848.184	57.851.468.232	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31.12.2013	31.12.2012
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		16.461.188.878	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		45.450.310.000	68.390.500.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		43.022.120.000	65.325.550.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		8.502.690.000	9.526.100.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		33.976.050.000	55.420.460.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		543.380.000	378.990.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		-	20.000.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		-	20.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		1.274.700.000	201.100.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		550.000.000	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		724.700.000	201.100.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		1.153.490.000	2.843.850.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		1.140.000.000	2.843.850.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		13.490.000	-
Trong đó:			6.468.890.000	-
7.1. Chứng khoán giao dịch	051		6.452.890.000	-
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		590.000	-
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		6.452.300.000	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		16.000.000	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		16.000.000	-

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ QUY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu	01		14.197.394.795	5.536.820.724
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.794.230.715	167.661.399
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		3.491.165.400	2.585.629.493
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.3		625.908	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.277.000.000	1.200.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		313.000.000	-
- Doanh thu khác	01.9	18	1.321.372.772	1.583.529.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		14.197.394.795	5.536.820.724
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	(9.543.679.019)	(3.246.159.028)
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		4.653.715.776	2.290.661.696
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	1.239.485.298	(9.163.710.947)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.893.201.074	(6.873.049.251)
8. Thu nhập khác	31	21	2.257.765.604	48.551.981
9. Chi phí khác	32		-	(269.965.379)
10. Lợi nhuận khác	40		2.257.765.604	(221.413.398)
11. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.150.966.678	(7.094.462.649)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế	60		8.150.966.678	(7.094.462.649)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	543	(473)

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



Ngày 29 tháng 4 năm 2014

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

PHẠM THỊ QUY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp giản tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2013	2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	8.150.966.678	(7.094.462.649)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	1.315.603.610	1.293.583.670
Các khoản dự phòng	03	(3.016.471.549)	3.756.925.083
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.776.031.241)	(1.360.050.379)
Chi phí lãi vay	06	833.431.489	-
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	2.507.498.987	(3.404.004.275)
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(27.730.740.462)	8.536.026.185
Thay đổi hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	3.541.909.820	-
Thay đổi các khoản phải trả	11	2.091.447.223	(3.681.798.273)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(110.390.640)	(134.951.276)
Tiền lãi vay đã trả	13	(49.465.438)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	170.187.780	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.579.552.730)	1.315.272.361
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(200.880.090)	(15.000.000)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	-	(41.909.091)
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.778.440.641	1.358.192.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.577.560.551	1.301.283.616
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Vay ngắn hạn nhận được	33	15.270.000.000	200.000.000
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(15.470.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(200.000.000)	200.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.201.992.179)	2.816.555.977
Tiền tồn đầu năm	60	20.085.174.365	17.268.618.388
Tiền tồn cuối năm	70	4.883.182.186	20.085.174.365

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

PHẠM THỊ QUY
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Báo cáo Tình hình Biển đông Vốn chủ sở hữu
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm
		1.1.2012	1.1.2013	Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		31.750.000.000	31.750.000.000	-	-	31.750.000.000
3. Lỗ lũy kế		(120.340.586.333) (127.402.353.496)	32.695.546 (7.094.462.649)	8.150.966.678	- (127.402.353.496)	(119.251.386.818)
Tổng cộng		61.409.413.607	54.347.646.504	32.695.546 (7.094.462.649)	8.150.966.678	54.347.646.504

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ QUÝ
Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

PHẠM THỊ QUÝ
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015013 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 25/UBCK-GPHDKD ngày 15 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, bao gồm một số lần thay đổi đáng chú ý như sau:

<u>Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 103/UBCK-GPĐCCTCK ngày 4 tháng 1 năm 2008	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và tăng vốn điều lệ
Số 90/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 6 năm 2012	Thay đổi người đại diện theo pháp luật và rút bỏ ngành nghề tự doanh chứng khoán
Số 117/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 10 năm 2012	Thay đổi tên Công ty
Số 18/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2013	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 10, số 434 Trần Khát Chân, phường Phố Hué, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Trong năm 2013, hoạt động chủ yếu của Công ty là môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng giá trị tài sản của Công ty là khoảng 68,7 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu là khoảng 62,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, các số liệu trong báo cáo tài chính kèm theo của Công ty không bao gồm việc ghi nhận các chi phí và nghĩa vụ nợ của Công ty (nếu có) liên quan đến Hợp đồng hợp tác số 01/2010/HASC-SEABANK HBT ngày 1 tháng 4 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Hợp đồng hợp tác số 71/2009/HĐHT-TCĐL ngày 6 tháng 10 năm 2009 ký với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo khái niệm hoạt động liên tục phụ thuộc vào việc xử lý các nghĩa vụ công nợ tiềm tàng này, khả năng hoạt động có lãi trong tương lai và sự hỗ trợ từ các cổ đông góp vốn. Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai các phương án để duy trì hoạt động của Công ty trong thời gian tới. Do đó, báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.3. Áp dụng Luật Kế toán, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

c) Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đổi chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.5. Công cụ tài chính

Trong năm, Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Theo đó, các chính sách kế toán về việc ghi nhận, xác định và trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tài chính được thể hiện trong phần Thuyết minh này hoặc các Thuyết minh về các khoản mục liên quan trong báo cáo tài chính này.

Các công cụ tài chính được phân loại như tài sản, các khoản nợ phải trả tài chính hoặc vốn chủ sở hữu phù hợp với những điều khoản ràng buộc trong hợp đồng hoặc các thỏa thuận tương tự. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận, các khoản lỗ và lãi có liên quan đến công cụ tài chính hoặc cấu phần của nó mà là nợ tài chính phải trả được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông được ghi giảm trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Trường hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả thì khoản phải trả về cổ tức cho các cổ đông của cổ phiếu ưu đãi đó được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả tại cùng một thời điểm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Cụ thể:

i) Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

- Tài sản tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các nhóm sau: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

- Nợ phải trả tài chính

Cho mục đích trình bày trong các báo cáo tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

ii) Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau khi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Tài sản	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	10

2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính, phần mềm sử dụng cho hoạt động chứng khoán

Nguyên giá của phần mềm máy tính, phần mềm sử dụng cho hoạt động chứng khoán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm này tại Công ty được khấu hao từ 5-8 năm.

2.9. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Nguyên giá của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

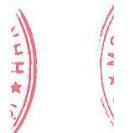
Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phiếu, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua chứng khoán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đó. Tuy nhiên, từ năm 2010 các khoản cổ tức nhận được (sau ngày mua) bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phiếu mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- i) Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).



Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- ii) Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- iii) Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán.

Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

d) Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn

Những tài sản được bán đồng thời mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/nợ chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 12 đến 24 tháng:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Dịch vụ chữ ký số.

2.12. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bắt kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

b) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phần mua lại được phân loại là các cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

c) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch môi giới chứng khoán theo hợp đồng môi giới chứng khoán đã được thực hiện giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng chứng khoán.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức hoặc lãi trái phiếu từ việc đầu tư cổ phiếu, trái phiếu trong năm.

Doanh thu hoạt động chuyển nhượng chứng khoán

Doanh thu hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được ghi nhận khi nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với của chứng khoán tự doanh đem bán đi.

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư bao gồm cả tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các hoạt động tư vấn khác mà Công ty được phép hành nghề. Doanh thu của hoạt động này được ghi nhận trên cơ sở bằng chứng xác một phần hay toàn bộ nhận khối lượng công việc Công ty đã hoàn thành được quy định trong hợp đồng tư vấn và bên thuê tư vấn đồng ý thanh toán cho khối lượng đó.

2.16. Ghi nhận chi phí

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp theo thực tế hoặc ước tính đúng kỳ kế toán.

2.17. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.19. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.20. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Nội dung	31.12.2013	31.12.2012
<i>Tiền mặt</i>	614.362.095	21.270.068
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	3.065.019.393	5.584.722.046
Tiền gửi của Công ty	113.029.971	18.767.254
Tiền gửi của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	2.951.989.422	5.565.954.792
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán</i>	953.800.698	1.479.182.251
Tiền gửi của Công ty	-	1.414.851
Tiền gửi của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	953.800.698	1.477.767.400
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	250.000.000	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	250.000.000	13.000.000.000
	4.883.182.186	20.085.174.365

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Nội dung	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (CP/TP)	Giá trị khối lượng thực hiện trong năm (VND)
<i>Các giao dịch của Công ty</i>	113.386	212.524.200.200
Cổ phiếu	113.186	1.024.200.200
Trái phiếu	200	211.500.000.000
<i>Các giao dịch của nhà đầu tư</i>	9.550.097	95.685.284.700
Cổ phiếu	9.530.597	95.482.384.700
Chứng khoán khác	19.500	202.900.000
	9.663.483	308.209.484.900

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm Kết thúc tài ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

5. Tình hình đầu tư tài chính

Tình hình đầu tư tài chính trong năm như sau:

Nội dung	Số lượng		Giá trị theo sổ sách Kế toán		Tăng	Cuối năm	Giảm	Cuối năm	Đầu năm	Tổng giá trị theo giá trị trung
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm						
1. Chung Khoán thương mại (cổ phiếu niêm yết)										
PSC	950.100	850.100	32.989.332.364	29.517.136.557	-	(21.303.102.364)	(21.781.226.557)	11.686.230.000	7.735.910.000	
Chứng khoán khác	2.419	225	74.908.184	5.194.171	189.825	1.126.676	(54.248.509)	(2.195.947)	20.849.500	4.124.900
	952.519	850.325	33.064.240.548	29.522.330.728	189.825	1.126.676	(21.357.350.873)	(21.783.422.504)	11.707.079.500	7.740.034.900

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số cuối năm	Số nợ dài	Số dư phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng						
Phải thu Khách hàng										
Phải thu trước cho người bán	1.140.000.000	-	-	2.400.000.000	(2.770.000.000)	770.000.000	-	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	9.411.737.123	-	9.411.737.123	4.700.000.000	-	4.700.000.000	-	-	-	-
Phải thu khách hàng giao dịch chứng khoán	9.411.737.123	-	9.411.737.123	15.908.184.171	(25.272.112.510)	47.808.784	-	-	-	-
Phải thu khác	-	-	-	15.851.753.141	(15.851.753.141)	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác (**)	11.479.132.637	-	10.897.368.721	36.969.712.289	(24.107.199.926)	24.341.645.000	-	666.039.600	666.039.600	
	22.030.869.760	-	20.309.105.844	59.977.896.460	(52.149.312.436)	29.859.453.784	-	666.039.600	666.039.600	

(*) Bao gồm trong số phát sinh giảm có các khoản nợ đã xử lý với tổng giá trị là 5.361.181.241 đồng.

(**) Bao gồm trong số phát sinh giảm có các khoản nợ đã xử lý với tổng giá trị là 11.100.007.637 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6.1. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2013	31.12.2012
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	19.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản VIG	1.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vina	1.000.000.000	-
Ông Đặng Văn Thắm	1.146.520.000	-
Ông Nguyễn Hữu Hòa Bình	912.000.000	-
Phải thu các nhà đầu tư vay mua chứng khoán (5)	500.000.000	-
Công ty TNHH VIG Đầu tư	64.000.000	-
Phải thu cỗ tức	119.125.000	379.125.000
Ông Nguyễn Đức Thành (1)	-	9.108.821.796
Phải thu lãi chậm trả của khách hàng (2)	-	932.339.456
Lãi tiền gửi có kỳ hạn (4)	-	163.500.000
Phải thu khác	-	895.346.385
- Khoản phải thu khác đã trích lập dự phòng 100% (3)	-	856.207.469
- Các khoản phải thu khác (4)	-	39.138.916
	24.341.645.000	11.479.132.637

- (1) Công ty bảo lãnh cho Ông Nguyễn Đức Thành vay tiền của Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền ("VPB"). Đến thời hạn trả nợ, Ông Nguyễn Đức Thành không trả được nợ cho VPB. Vì vậy, VPB đã cắt tiền từ tài khoản của Công ty trả thay cho Ông Nguyễn Đức Thành. Công ty đang trong quá trình kiện đòi lại tiền từ Ông Nguyễn Đức Thành và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đang thụ lý vụ án này. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với toàn bộ số tiền dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Ngày 2 tháng 5 năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 05/2013/QĐ-HĐQT về việc xóa sổ kế toán toàn bộ số tiền này trong năm 2013.
- (2) Là khoản phải thu Công ty tính trên số ngày khách hàng có số dư tiền âm trên tài khoản giao dịch tại Công ty từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2011. Từ tháng 4 năm 2011, Công ty chưa tính lãi đối với khoản dư âm trên tài khoản của khách hàng. Khoản phải thu này đã được trích lập dự phòng 100% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do xác định không có khả năng thu hồi. Số tiền này đã được xóa sổ kế toán toàn bộ trong năm 2013 theo Quyết định số 17/2013/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- (3) Là khoản phải thu khác đã được Công ty trích lập dự phòng 100% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do xác định không có khả năng thu hồi. Số tiền này đã được xóa sổ kế toán toàn bộ trong năm 2013 theo Quyết định số 17/2013/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- (4) Là các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn và các khoản phải thu khác mà Công ty xác định là các đối tượng khó đòi và không có khả năng thu hồi. Công ty đã xóa sổ kế toán toàn bộ trong năm 2013 theo Quyết định số 16/2013/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- (5) Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% giá trị.

6.2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nội dung	2013	2012
Số dư đầu năm	20.309.105.844	12.952.938.538
Tăng dự phòng trong năm	-	7.356.167.306
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm (*)	(16.258.549.962)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm (**)	(3.384.516.282)	-
Số dư cuối năm	666.039.600	20.309.105.844

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

(*) Trong đó: của Trần Dũng Tiến - cho vay mua chứng khoán khoảng 5,3 tỷ đồng và của Nguyễn Đức Thành - phải thu khác khoảng 9,1 tỷ đồng.

(**) Trong đó: của Trần Dũng Tiến - cho vay mua chứng khoán khoảng 3 tỷ đồng và của các đối tượng khác - cho vay mua chứng khoán khoảng 1 tỷ đồng.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
Tiền thuê văn phòng	132.003.360	349.602.773	(481.606.133)	-
Tiền thuê xe	-	240.000.000	-	240.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	426.000.000	(426.000.000)	-
Chi phí trả trước khác	-	11.419.545	(9.025.545)	2.394.000
	132.003.360	1.027.022.318	(916.631.678)	242.394.000

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2013	31.12.2012
Tạm ứng (*)	3.682.068.600	181.539.600
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	200.000	200.000
	3.682.268.600	181.739.600

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số tạm ứng đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 166.039.600 đồng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.463.273.609	489.614.600	1.480.372.568	39.470.907	4.472.731.684
Chuyển sang công cụ dụng cụ	(625.891.546)	-	(562.479.522)	-	(1.188.371.068)
Phân loại lại	312.822.050	-	(273.351.143)	(39.470.907)	-
Số dư cuối năm	2.150.204.113	489.614.600	644.541.903	-	3.284.360.616
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	1.127.999.877	249.975.456	851.355.020	19.329.486	2.248.659.839
Khấu hao trong năm	379.623.968	48.961.460	156.568.350	1.973.542	587.127.320
Chuyển sang công cụ dụng cụ	(299.943.504)	-	(434.296.163)	-	(734.239.667)
Phân loại lại	172.210.930	-	(150.907.902)	(21.303.028)	-
Số dư cuối năm	1.379.891.271	298.936.916	422.719.305	-	2.101.547.492
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.335.273.732	239.639.144	629.017.548	20.141.421	2.224.071.845
Số dư cuối năm	770.312.842	190.677.684	221.822.598	-	1.182.813.124

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.317.363.900	3.317.363.900
Tăng trong năm	110.200.000	110.200.000
Phân loại lại	(31.961.000)	(31.961.000)
Số dư cuối năm	3.395.602.900	3.395.602.900
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	1.980.269.997	1.980.269.997
Khấu hao trong năm	626.060.443	626.060.443
Phân loại lại	(17.334.442)	(17.334.442)
Số dư cuối năm	2.588.995.998	2.588.995.998
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	1.337.093.903	1.337.093.903
Số dư cuối năm	806.606.902	806.606.902

11. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán	
	31.12.2013	31.12.2012	31.12.2013	31.12.2012
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	440.000	440.000	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	600.000	600.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang - Hà Nội	562.500	562.500	5.625.000.000	5.625.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phát	196.000	196.000	1.862.000.000	1.862.000.000
			17.887.000.000	17.887.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng/phân loại từ TSCĐ	Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ	-	554.962.049	(84.928.335)	470.033.714
Dịch vụ chữ ký số	10.387.916	4.476.000	(14.863.916)	-
	10.387.916	559.438.049	(99.792.251)	470.033.714

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Nội dung	2013	2012
Số dư đầu năm	2.294.354.599	2.070.167.474
Tiền nộp bù sung	-	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	257.590.600	224.187.125
Số dư cuối năm	2.551.945.199	2.294.354.599

Theo Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	31.12.2013	31.12.2012
<i>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</i>		
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	11.654.451	128.576.975
	11.654.451	128.576.975
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>		
Thuế thu nhập cá nhân	144.010.654	56.683.889
	144.010.654	56.683.889

14.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

Hoạt động không chịu thuế giá trị gia tăng gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các dịch vụ khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Hoạt động chịu thuế giá trị gia tăng gồm: tư vấn tài chính và các hoạt động khác.

14.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2013
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.150.966.678
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	(1.191.165.400)
Cổ tức được chia	(1.191.165.400)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	6.959.801.278
Lỗ năm trước chuyển sang	(6.959.801.278)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong năm	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	-

b) Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Giá trị thực tế của khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển còn tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và sự chấp thuận của cơ quan thuế. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản lỗ lũy kế của Công ty có thể được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Năm phát sinh	Tình trạng quyết toán	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31.12.2013	Số lỗ không được chuyển (**)	Số lỗ chưa chuyển tại ngày 31.12.2013 (***)
2008	Chưa quyết toán	55.609.628.318	(16.678.744.601)	(38.930.883.717)	-
2009	Chưa quyết toán	40.569.837.528	-	-	40.569.837.528
2011	Chưa quyết toán	37.699.697.113	-	-	37.699.697.113
2012	Chưa quyết toán	7.094.462.649	-	-	7.094.462.649
		140.973.625.608	(16.678.744.601)	(38.930.883.717)	85.363.997.290

(*) Lỗ tính thuế năm 2008 và 2009 ước tính theo tờ khai thuế của Công ty. Lỗ tính thuế năm 2011 và năm 2012 lấy theo báo cáo kết quả kinh doanh của báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

(**) Các khoản lỗ này không được chuyển do đã quá thời hạn chuyển lỗ theo quy định của pháp luật (tối đa là 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ).

(***) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ này do Công ty thấy không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai mà từ đó Công ty có thể sử dụng được các lợi ích qua việc bù trừ với các khoản lỗ này.

14.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Nội dung	31.12.2013	31.12.2012
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD)	245.270.271	3.606.641
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (HSX và HNX)	12.039.804	7.455.134
Phải trả nhà đầu tư	3.889.453.334	721.439.132
	4.146.763.409	732.500.907

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2013	31.12.2012
Bảo hiểm xã hội	63.864.353	22.606.862
Bảo hiểm thất nghiệp	4.888.582	1.209.362
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (lãi tiền vay)	783.966.051	-
Phải trả khác	82.364.700	1.817.946.481
	935.083.686	1.841.762.705

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

17.1. Chi tiết vốn cổ phần

	31.12.2013		
	Số vốn góp	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông sáng lập	57.800.000.000	5.780.000	38,53
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Chuyển giao công nghệ CIT - Đại diện: Ông Thái Vũ Hán	3.535.000.000	353.500	2,36
Ông Trương Duy Sơn	40.123.930.000	4.012.393	26,75
Bà Lê Lê Thuỷ	10.391.070.000	1.039.107	6,93
Ông Nguyễn Văn Thắng	3.750.000.000	375.000	2,50
Cổ đông lớn	31.500.000.000	3.150.000	21,00
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	16.500.000.000	1.650.000	11,00
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	7.500.000.000	750.000	5,00
Vietnam Infrastructure Privilege Limited	7.500.000.000	750.000	5,00
Cổ đông khác	60.700.000.000	6.070.000	40,47
	150.000.000.000	15.000.000	100,00

17.2. Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2013	31.12.2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Doanh thu khác

Nội dung	2013	2012
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.284.865.841	1.582.379.832
Khác	36.506.931	1.150.000
	1.321.372.772	1.583.529.832

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

19. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

Nội dung	2013	2012
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	28.432.799	17.091.233
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.577.209.790	1.472.616.376
Chi phí hoạt động tư vấn	1.050.693.000	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	9.407.998	54.945.075
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	368.044.733	(3.599.242.223)
Chi phí khác	837.153.844	-
- Lãi tiền vay	833.431.489	-
- Khác	3.722.355	-
Chi phí trực tiếp chung	4.672.736.855	5.300.748.567
- Chi phí nhân viên	473.019.948	569.392.189
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	41.314.563	223.002.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.119.195.929	545.742.906
- Chi phí thuê văn phòng	-	518.910.496
- Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	228.353.095	698.889.950
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.817.713.879	-
- Chi phí bằng tiền khác	993.139.441	2.744.811.026
	9.543.679.019	3.246.159.028

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2013	2012
Chi phí nhân viên quản lý	976.697.173	1.335.678.443
Chi phí khấu hao	93.991.834	205.779.906
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	23.313.556
Chi phí dự phòng	(3.181.877.366)	7.356.167.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.682.172	-
Chi phí khác	636.020.889	242.771.736
	(1.239.485.298)	9.163.710.947

21. Thu nhập khác

Nội dung	2013	2012
Công nợ xác định không phải trả	1.425.439.153	-
Thu nhập khác	832. 326.451	48.551.981
	2.257.765.604	48.551.981

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2013	2012
<i>Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông</i>		
- Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trong năm	8.150.966.678	(7.094.462.649)
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần chia cho cổ đông phổ thông	8.150.966.678	(7.094.462.649)
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm</i>		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	543	(473)

23. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

23.1. Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	2013	2012
Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc	Vay	-	200.000.000
		Trả nợ vay	200.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Cổ đông lớn	Phí môi giới chứng khoán	4.750.650.000	-
		Cổ tức năm 2012	240.000.000	-
		Phí tư vấn chuyển nhượng cổ phần	50.000.000	-
		Lãi vay từ 1/8 đến 31/12/2013	783.966.051	-

23.2. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31.12.2013	31.12.2012
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Cổ đông lớn	Đầu tư	6.000.000.000	6.000.000.000
Vay ngắn hạn				
Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc	Vay	-	200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác				
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Cổ đông lớn	Lãi tiền vay	783.966.051	-

23.3. Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Nội dung	2013	2012
Lương và thưởng	501.000.000	657.859.808
	501.000.000	657.859.808

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

24. Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng

- a) Ngày 1 tháng 4 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng hợp tác số 01/2010/HASC-SEABANK HBT về việc cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng ("Ngân hàng"). Theo đó, Công ty sẽ chịu trách nhiệm về tính xác thực, đúng đắn và hợp lệ đối với các thông tin xác nhận bán chứng khoán đã khớp lệnh tại Công ty của nhà đầu tư vay vốn và sẽ chịu trách nhiệm bồi thường nếu có bất kỳ sai sót nào liên quan đến việc xác nhận người vay, sự cẩn kỹ thuật và những lỗi khác gây thiệt hại cho Ngân hàng. Theo Thông báo của Ngân hàng tại ngày 28 tháng 4 năm 2011, số dư ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoảng 121 tỷ đồng, và tiền lãi vay là khoảng 15 tỷ đồng. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 21 tháng 7 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng, Công ty tạm thời chuyển trả cho Ngân hàng số tiền là 20 tỷ đồng trên cơ sở phân chia số tiền thu được từ việc bán số chứng khoán cầm cố của các nhà đầu tư tại Công ty theo tỷ lệ các nguồn vốn mà các đơn vị cho nhà đầu tư vay tiền tại Công ty. Trước đó, ngày 10 tháng 5 năm 2011, Ngân hàng đã có Công văn đề nghị Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội làm rõ vụ việc "Ông Trương Duy Sơn - nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty và nguyên là người đại diện theo pháp luật của Công ty về hành vi chiếm đoạt tài sản thông qua việc xác nhận không các giao dịch bán chứng khoán làm hồ sơ vay vốn ngân hàng". Theo Thông báo tại Biên bản làm việc ngày 5 tháng 4 năm 2012 giữa Cơ quan An ninh Điều tra và Công ty, ngày 22 tháng 2 năm 2012, Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Hà Nội đã hủy bỏ Quyết định khởi tố bị can đối với ông Trương Duy Sơn và đình chỉ điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vụ việc này.
- b) Ngày 6 tháng 10 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng hợp tác số 71/2009/HĐHT-TCĐL về việc cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("Công ty tài chính") với nội dung Công ty tài chính này cho nhà đầu tư vay để thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh, và trong trường hợp nhà đầu tư chưa thanh toán tiền vay khi đến hạn thì toàn bộ nghĩa vụ nợ chuyển sang cho Công ty. Theo các Biên bản làm việc ngày 6 tháng 5 năm 2013 và 15 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty tài chính và Công ty, số liệu dư nợ gốc của các nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty vay tại Công ty tài chính, tình hình thanh toán tiền vay và phương hướng xử lý công nợ được hai bên thống nhất như sau: Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 5 năm 2011 là 30,9 tỷ đồng. Đến ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty tài chính này đã thu được khoảng 6,2 tỷ đồng, trong đó, nhận được tiền bán các cổ phần còn lại tại tài khoản của các nhà đầu tư vay vốn tại Công ty là 5 tỷ đồng và bù trừ cổ tức năm 2011 và năm 2012 của khoản đầu tư của Công ty tại Công ty tài chính là 1,2 tỷ đồng. Số dư nợ gốc còn lại đến ngày 15 tháng 7 năm 2013 là khoảng 24,7 tỷ đồng.

Các Biên bản làm việc này cũng đề cập đến các phương án xử lý các khoản nợ còn lại nói trên. Cụ thể, Công ty tài chính sẽ: (1) cấu trúc lại khoản nợ để Công ty trả nợ trong vòng 5 năm (từ 2013 đến 2018) trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty; (2) miễn giảm lãi quá hạn, chỉ giữ lại khoảng 2,5 tỷ đồng lãi quá hạn tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2013; (3) được trả gốc định kỳ và trả lãi vào cuối kỳ theo dự kiến kế hoạch trả nợ kèm theo Biên bản; (4) áp dụng mức lãi suất ưu đãi cho khoản nợ trên trong suốt thời gian trả nợ; (5) sử dụng các dịch vụ tại Công ty và giới thiệu khách hàng cho Công ty với tổng doanh thu có giá trị không thấp hơn các nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, Công ty sẽ tiếp tục thanh toán thay các khoản nợ nói trên của các nhà đầu tư cho Công ty tài chính. Cũng theo các Biên bản làm việc này hai bên sẽ chủ động thực hiện các thủ tục nội bộ để trình các cấp có thẩm quyền thông qua các nội dung trên.

25. Công cụ tài chính

25.1. Quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty cũng có các tài sản tài chính như tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí của rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty là không đáng kể do Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn.

ii) Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ.

iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng việc thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 7.740.034.900 đồng (31/12/2012: 11.707.079.500 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm tương ứng là 774.003.490 đồng (31/12/2012: 1.170.707.950 đồng), phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

iv) Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro đáng kể về giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa và thông qua các nhà cung cấp nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

i) Phải thu khách hàng, phải thu khác, cho vay

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc thường xuyên theo dõi các khoản phải thu/cho vay chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu/cho vay còn tồn đọng tại ngày báo cáo.

ii) Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục tiền gửi ngân hàng trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 3. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii) Các công cụ tài chính khác

Hội đồng quản trị của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu cho vay và các khoản đầu tư đã được lập dự phòng.

c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu như sau:

Số dư 31.12.2013	Đến 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	372.877.610	-	372.877.610
Người mua trả tiền trước	50.000.000	-	50.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.146.763.409	-	4.146.763.409
Chi phí phải trả	27.778.774	-	27.778.774
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	935.083.686	-	935.083.686
	5.532.503.479	-	5.532.503.479

Số dư 31.12.2012	Đến 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Vay và nợ	200.000.000	-	200.000.000
Phải trả người bán	46.164.625	-	46.164.625
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	732.500.907	-	732.500.907
Chi phí phải trả	288.443.030	-	288.443.030
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.841.762.705	-	1.841.762.705
	3.108.871.267	-	3.108.871.267

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

25.2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty như sau:

Tài sản tài chính	31.12.2013		31.12.2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.883.182.186	-	20.085.174.365	-
Phải thu khách hàng	770.000.000	-	1.140.000.000	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	47.808.784	-	9.411.737.123	(9.411.737.123)
Các khoản phải thu khác	24.341.645.000	(666.039.600)	11.479.132.637	(10.897.368.721)
Đầu tư ngắn hạn	29.522.330.728	(21.783.422.504)	33.064.240.548	(21.357.350.873)
Đầu tư dài hạn khác	17.887.000.000	-	17.887.000.000	(58.026.898)
	77.451.966.698	(22.449.462.104)	93.067.284.673	(41.724.483.615)

Nợ phải trả tài chính	31.12.2013	31.12.2012
Vay và nợ	-	200.000.000
Phải trả người bán	372.877.610	46.164.625
Người mua trả tiền trước	50.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.146.763.409	732.500.907
Chi phí phải trả	27.778.774	288.443.030
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	935.083.686	1.841.762.705
	5.532.503.479	3.108.871.267

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá thị trường tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán thì các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính này thì được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

26. Báo cáo bộ phận

26.1. Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh

Nội dung	Hoạt động mua giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Công
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	6.794.230.715	3.491.165.400	625.908	2.277.000.000	313.000.000	1.321.372.772	14.197.394.795
Chi phí bộ phận trực tiếp	(28.432.799)	(2.945.254.523)	-	(1.050.693.000)	(9.407.998)	(837.153.844)	(4.870.942.164)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	(1.175.485.953)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.765.797.916	545.910.877	625.908	1.226.307.000	303.592.002	484.218.928	8.150.966.678
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.287.559.304	26.722.425.290	-	-	-	24.222.520.000	54.232.504.594
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	14.445.343.590
Tổng tài sản	3.287.559.304	26.722.425.290	-	-	-	24.222.520.000	68.677.848.184
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	4.146.763.409	-	-	-	-	962.862.460	5.109.625.869
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.069.609.133
Tổng nợ phải trả	4.146.763.409	-	-	-	-	962.862.460	6.179.235.002

26.2. Báo cáo bộ phận thuế yếu - Theo khu vực địa lý (không có do Công ty chi có một địa điểm kinh doanh là trụ sở chính)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tonkin

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

27/ - C Phê chuẩn báo cáo tài chính



VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

PHẠM THỊ QUY
Kế toán trưởng

Công báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 29 tháng 4 năm 2014.